TÒA ÁN NH2 DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2021/DS-PT
Ngày: 16-04-2021
V/v tranh chấp dân sự- Nợ hụi;

NH2 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH2 DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng;

Bà Huỳnh Kim Oanh;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nH2 dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nH2 dân tỉnh Đồng Tháp:*** Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nH2 dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 530/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 về "*Tranh chấp dân sự- nợ hụi*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2020/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nH2 dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị X, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1976.

2. Lê Văn M, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L, anh M là: ông Dương Hoàng V sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2021)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan*:

1. Trần Thị T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp 2A, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

2. Lê Thị T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

3. Huỳnh Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

6. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

7. Trần Thị Ngọc L1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

8. Đặng Thị Ngọc H2, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp 2A, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

9. Nguyễn Văn P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

10. Nguyễn Thị D, sinh năm

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

11. Nguyễn Thị D1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp 2A, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

12. Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

13. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 2A, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

14. Phạm Thị Thu C, sinh năm:

Địa chỉ: Thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn M là bị đơn.

NỘI D1 VỤ ÁN

- *Chị Nguyễn Thị X là nguyên đơn trình bày*:

Vào năm 2018, chị L có tham gia hụi do chị làm đầu thảo có 13 dây hụi tháng bao gồm: 06 dây hụi 1.000.000đ, 01 dây hụi 500.000đ và 06 dây hụi 200.000đ, chị L tự tham gia đã hốt hết hiện còn nợ hụi chết 92.000.000đ, có biên bản đối chất thống nhất ngày 20/2/2020.

Riêng hụi mượn, chị L nợ tổng số tiền 464.510.000đ, cụ thể:

1/ Dây thứ nhất: Hụi 1.000.000đ khui ngày 09/5/2018 (dl), chị L mượn 5 phần gồm của chị Triệu 1 phần, chị T1 3 phần, chị H 1 phần. Dây này có 20 tHnh viên.

+ Lần thứ 3 (tháng 7/2018), chị L mượn hụi của chị Triệu, bỏ thăm 220.000đ hốt được 14.860.000đ.

+ Lần thứ 9 (tháng 01/2019) chị L mượn của chị T1, bỏ 160.000đ hốt được 17.960.000đ.

+ Lần thứ 12 (tháng 4/2019), chị L mượn của chị T1, bỏ 140.000đ, hốt được 17.400.000đ.

+ Lần thứ 15, (tháng 7/2019), chị L mượn của chị H bỏ 150.000đ, hốt được 17.850.000đ.

+ Lần thứ 16 (tháng 8/2019), chị L mượn của chị T1, bỏ 160.000đ, hốt được 17.800.000đ.

Tổng cộng dây này chị L mượn nhận số tiền 85.870.000đ.

2/ Dây thứ hai: Hụi 1.000.000đ khui cùng ngày 09/5/2018: chị L mượn 4 phần gồm của chị Triệu 1 phần, của chị T1 2 phần, của 6 T2 1 phần. Dây này có 20 người tham gia.

+ Lần thứ 3 (tháng 7/2019) chị L mượn của chị Triệu, bỏ 220.000đ, hốt được 14.860.000đ.

+ Lần thứ 9 (tháng 15/01/2019) chị L mượn của chị 6 T2, bỏ 130.000đ, hốt được 17.640.000đ.

+ Lần thứ 12 (tháng 4/2019) chị L mượn của chị T1, bỏ 160.000đ hốt được 17.960.000đ.

+ Lần thứ 17 (tháng 8/2019), chị L mượn tiếp của chị T1, bỏ 160.000đ hốt được 18.120.000đ.

Tổng cộng: dây hụi này chị L mượn nhận số tiền 68.580.000đ.

3/ Dây thứ 3: Hụi 1.000.000đ khui ngày 29/6/2018: Chị L mượn 3 phần gồm của chị C 1 phần, của chị T1 1 phần, chị Triệu 1 phần. Dây này có 20 tHnh viên.

+ Lần thứ 12 (tháng 5/2019) chị L mượn của chị Triệu bỏ 160.000đ, hốt được 15.640.000đ.

+ Lần thứ 15(tháng 8/2019) chị L mượn của chị T1 bỏ 140.000đ, hốt được 17.900.000đ.

+ Lần thứ 16 (9/2019), chị L mượn của chị C bỏ 150.000đ hốt được 18.000.000đ.

Tổng cộng dây này chị L mượn nhận số tiền 51.540.000đ.

4/Dây thứ 4: Hụi 500.000đ khui ngày 09/7/2018: Chị L mượn 3 phần gồm của chị T1 2 phần, của cô G 1 phần. Dây này có 19 tHnh viên.

+ Lần thứ 11(tháng 5/2019), chị L mượn của chị T1 bỏ 60.000đ, hốt được 8.320.000đ.

+ Lần thứ 12 (tháng 6/2019), chị L mượn của cô G bỏ 50.000đ, hốt được 8.700.000đ.

+ Lần thứ 13 (tháng 7/2019), chị L mượn của chị T1, bỏ 60.000đ, hốt được 8.840.000đ.

Tổng cộng dây hụi này chị L mượn nhận số tiền 5.860.000đ.

5/ Dây thứ 5: Hụi 1.000.000đ khui ngày 15/7/2019: Chị L mượn 5 phần gồm của chị T1 3 phần, chị H1 1 phần và chị Triệu 1 phần. Dây này có 19 tHnh viên.

+ Lần thứ 9 (tháng 3/2019), chị L mượn của chị H1, bỏ 170.000đ hốt được 15.900.000đ.

+ Lần thứ 11 (tháng 5/2019) chị L mượn của chị T1, bỏ 160.000đ hốt được 17.320.000đ.

+ Lần thứ 14 (tháng 8/2019) chị L mượn của chị Triệu 130.000đ, hốt được 16.960.000đ.

+ Lần thứ 15 (tháng 9/2019) chị L mượn của chị T1, bỏ 150.000đ, hốt được 17.000.000đ.

+ Lần thứ 16 (tháng 10/2019) chị L mượn của chị T1 bỏ 140.000đ, hốt được 18.460.000đ.

Tổng cộng: dây hụi này chị L mượn nhận số tiền 85.640.000đ.

6/ Dây thứ 6: Hụi 1.000.000đ khui ngày 25/10/2018: Chị L mượn 5 phần gồm của chị T3 1 phần, chị H 1 phần, chị D1 2 phần và chị H 1 phần. Dây này có 19 tHnh viên.

+ Lần thứ 5 (tháng 2/2019), chị L mượn của chị H, bỏ 140.000đ hốt được 15.640.000đ.

+ Lần thứ 8 (tháng 5/2019), chị L mượn của chị T3, bỏ 160.000đ hốt được 15.840.000đ.

+ Lần thứ 11 (tháng 8/2019) chị L mượn của chị D1, bỏ 130.000đ hốt được 16.560.000đ.

+ Lần thứ 12 (tháng 9/2019), chị L mượn của chị H, bỏ 140.000đ, hốt được 16.620.000đ.

+ Lần thứ 13 (tháng 10/2019) chị L mượn của chị D1, bỏ 130.000đ hốt được 16.820.000đ.

Tổng cộng: Dây hụi này chị L mượn nhận số tiền 81.480.000đ.

7/Dây thứ 7: Hụi 1.000.000đ khui ngày 19/11/2018: Chị L mượn 4 phần gồm của chị L1 1 phần, của chị D 1 phần, chị 2 P 1 phần, chị H2 1 phần. Dây này này có 19 tHnh viên.

+ Lần thứ 8 (tháng 5/2019) chị L mượn của chị L1, bỏ 120.000đ hốt được 16.160.000đ.

+ Lần thứ 10 (tháng 7/2019), chị L mượn của chị H2, bỏ 130.000đ hốt được 16.300.000đ.

+ Lần thứ 11 (tháng 8/2019), chị L mượn của chị Hai P, bỏ 140.000đ hốt được 16.520.000đ.

+ Lần thứ 12 (tháng 9/2019) chị L mượn của chị D, bỏ 130.000đ hốt được 16.560.000đ.

Tổng cộng: Dây này chị L mượn nhận số tiền 65.540.000đ.

Những lần mượn hụi chị L đều ký nhận tiền. Khi tay em có nhu cầu hốt hụi, tôi cho chị L hay lo tiền trả lại, chị L không trả. Nay, tôi yêu cầu chị L và anh M có trách nhiệm L1 đới trả cho tôi số tiền 556.510.000đ gồm: Tiền hụi chị L tự tham gia còn nợ 92.000.000đ và nợ hụi mượn là 464.510.000đ để tôi hoàn trả lại cho tay em.

- *Chị Nguyễn Thị L bị đơn trình bày*:

Đồng ý lời trình bày của chị X đối với hụi do chị là thành viên tham gia, hiện còn nợ số tiền 92.000.000đ.

Riêng số tiền mượn hụi, chị L đồng ý như các phần đã mượn mà chị X trình bày, nhưng chị đã trả hiện còn nợ mỗi dây 1 phần cụ thể:

1/ Dây hụi 1 triệu khui ngày 09/5/2018, có 20 phần, chị mượn 5 phần gồm của chị Triệu 1 phần, chị T1 3 phần và H 1 phần. Dây này chị hốt và trả được 4 phần, hiện còn nợ của chị T1 1 phần là 17.400.000đ.

2/ Dây hụi 1 triệu khui cùng ngày 09/5/2018, có 20 phần, chị mượn 4 phần gồm của chị Triệu 1 phần, chị T1 02 phần và của chị 6 T2 1 phần. Dây này chị hốt trả được 3 phần, còn nợ chị T1 1 phần là 17.640.000đ.

3/ Dây hụi 1 triệu khui ngày 29/6/2018, có 20 phần, chị mượn 3 phần gồm của C 1 phần, chị Triệu 1 phần và chị T1 1 phần. Dây này chị hốt trả được 2 phần còn nợ phần của chị Triệu là 15.600.000đ.

4/ Dây hụi 500.000đ khui ngày 09/7/2018, có 19 phần, chị mượn 3 phần gồm chị T1 2 phần, chị G 1 phần. Dây này chị hốt trả được 2 phần của chị T1, còn nợ lại phần của chị G 8.700.000đ.

5/ Dây hụi 1 triệu khui ngày 15/7/2018, có 19 phần, chị mượn 05 phần gồm của chị H1 1 phần, chị T1 03 phần, chị Triệu 01 phần. Dây này chị hốt trả được 4 phần, còn nợ lại phần của chị H1 15.900.000đ.

6/ Dây hụi 1 triệu khui ngày 19/11/2018 có 19 phần, chị mượn 04 phần gồm của chị L1 1 phần, chị H2 1 phần, chị hai P 1 phần, chị D 1 phần. Dây này chị hốt trả được 3 phần còn nợ của chị H2 1 phần là 16.300.000đ.

7/ Dây hụi 1 triệu khui ngày 25/10/2018, có 19 phần, chị mượn 5 phần gồm của chị H 1 phần, chị T3 1 phần, chị D1 02 phần và chị H 01 phần. Dây này chị hốt trả hết không còn nợ.

Những lần hốt hay mượn hụi chị L đều ký tên nhận tiền, khi trả tiền cho chị X ghi vào sổ hụi chữ "R". Nay, chị X yêu cầu chị trả số tiền hụi tự tham gia 92.000.000đ và hụi mượn 464.510.000đ, tổng cộng 556.510.000đ, chị không đồng ý. Chị đồng ý trả số tiền hụi tham gia 92.000.000đ và 117.640.000đ hụi mượn, tổng cộng 209.640.000đ.

Sau khi tiến Hnh đối chất ngày 01/9/2020, phần tiền chị L đóng bù vô cùng với những tay em khác cho đủ hụi 1.000.000đ và hụi 500.000đ để chi X giao cho tay em nào hốt là 18.830.000đ. Chị L yêu cầu khấu trừ vô phần tiền tôi nợ 209.640.000đ, chị đồng ý trả 190.810.000đ.

- *Anh Lê Văn M là bị đơn trình bày*:

Việc chị L tham gia hụi của chị X thì anh có biết, còn việc tham gia thế nào tH nợ bao nhiêu thì anh không biết.

Biên nhận ngày 24/11/2019 nợ 516.600.000đ là của anh ghi, anh thừa nhận có ký, nhưng ký lúc say tôi không kiểm soát được.

Tôi đồng ý cùng vợ trả số tiền 190.810.000đ cho chị X, như lời trình bày của chị L. Không có ý kiến nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan gồm: Chị Triệu, chị T1, chị H, chị H1, chị G, bà T2, chị L1, chị H2, anh P chị D, chị D1, chị T3, chị H và chị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X.

Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn M L1 đới trả cho chị X số tiền hụi 556.510.000đ (Năm trăm năm mươi sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi Hnh án, án phí và tuyên về thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm chị L kháng cáo một phần bản án; chị yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa 01 phần bản án sơ thẩm.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn là không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị X đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn M nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp dân sự - nợ hụi phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn hiện đang cư trú tại ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị L Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Chị L tham gia rất nhiều dây hụi do chị X làm đầu thảo (chủ hụi), việc này được hai bên thừa nhận. Trong các dây hụi mà chị L tham gia (cụ thể là 07 dây hụi) thì số tiền nợ hụi do chị L trực tiếp tham gia còn nợ lại là 92.000.000đ, chị L thừa nhận còn nợ lại số tiền này và đồng ý trả theo yêu cầu của chị X. Ngoài ra, trong quá trình tham gia hụi thì ở mỗi dây hụi chị L có mượn hụi do chị X làm đầu thảo tổng số tiền mượn hụi là 464.510.000đ. Chứng minh cho lời trình bày của mình thì chị X có cung cấp sổ hụi có chữ ký của chị L ở mỗi lần nhận tiền và biên nhận của tổng số tiền có chữ ký của anh M chồng chị L. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Còn đối với việc kháng cáo của chị L cho rằng thừa nhận có mượn hụi của chị X nhưng chị đã trả xong chỉ còn nợ mỗi dây 01 phần, nên nay chỉ đồng ý trả số tiền mượn hụi còn nợ là 190.810.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy: việc chị L trình bày là không có căn cứ. Bởi vì, chị L không chứng minh được việc chị đã trả xong tiền mượn hụi cho chị X, chị X cũng không thừa nhận. Đồng thời, biên nhận tổng số tiền nợ hụi, anh M chồng chị L cũng đã có ký xác nhận. Do đó, không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L. Đồng thời, việc anh M cho rằng anh không biết gì về số tiền nợ hụi này là không phù hợp. Bởi vì, căn cứ vào biên bản đối chất giữa chị X và chị L tại Tòa án cấp sơ thẩm thì sau khi nhận được tiền hụi, chị L đóng hụi, phần còn lại thì đem về nH sử dụng. Tại phiên tòa, anh M thừa nhận mọi sinh hoạt trong gia đình đều do chị L lo liệu, nên anh không biết về tiền nợ hụi. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh M phải có nghĩa vụ cùng với chị L trả số tiền nợ hụi cho chị X là phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Các nội D1 còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị L;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 59/2020/DS-ST ngày 05/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X.

Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn M L1 đới trả cho chị Nguyễn Thị X số tiền hụi còn nợ là 556.510.000đ (Năm trăm năm mươi sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của chị X, mà chị L và anh M chưa thi hànhh xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L và anh M phải chịu 26.260.000đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.857.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007115, ngày 13/01/2020 và 553.500đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000678 ngày 09/6/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, tổng cộng chị X được nhận lại 13.410.500đ (Mười ba triệu bốn trăm mười nghìn năm trăm đồng).

- Về án phí phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006471 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Tháp Mười;
- Chi cục THADS H. Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh